

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoàng Liên

2. Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 08 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã X), huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V chơi bời cờ bạc không chịu làm ăn từ đó dẫn tới không quan tâm đến gia đình, tôi có khuyên bảo anh V rất nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh V.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Minh K sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Uyên T sinh ngày 02/08/2011. Khi ly hôn tôi nhận nuôi hai con và không yêu

cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay đi bán hàng thuê, thu nhập một tháng được 9.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 08 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H cũ, nay là xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị N không chung thủy với tôi từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Tôi đã khuyên bảo chị N nhiều lần nên thay đổi bản thân để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị N vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị N xin ly hôn. Tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Minh K sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Uyên T sinh ngày 02/08/2011. Khi ly hôn chị N nhận nuôi hai con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh V. Bà Nguyễn Thị N mẹ anh V đã trực tiếp nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo cho anh V, anh V biết việc Tòa án báo gọi để giải quyết việc chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh. Nhưng anh V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu Nguyễn Minh K và Nguyễn Thị Uyên T cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H cũ, nay là xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 08 tháng 11 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V chơi bời cờ bạc không chịu làm ăn từ đó dẫn tới không quan tâm đến gia đình, chị N có khuyên bảo anh V rất nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Còn anh V cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị N không chung thủy với anh từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Anh đã khuyên bảo chị N nhiều lần nên thay đổi bản thân để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị N vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị N xin ly hôn anh V không đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Chị N và anh V đã thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị N được ly hôn anh V là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Minh K sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Uyên T sinh ngày 02/08/2011. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ, theo nguyện vọng của các cháu và không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu. Do vậy cần giao hai cháu Nguyễn Minh K và cháu Nguyễn Thị Uyên T cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng, chị N nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con, anh V đồng ý. Yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Minh K sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Uyên T sinh ngày 02/08/2011.

Xử giao hai cháu Nguyễn Minh K sinh ngày 06/10/2008; Nguyễn Thị Uyên T sinh ngày 02/08/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003157 ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự (2)
- UBND xã X.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng